

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX , KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ
Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
Sau khi xem xét Tờ trình số 3490/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quy định mức chi chế độ công tác phí, chế
độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra 89/BC-HĐND ngày 14
tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với chế độ công tác phí:

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số

114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân;

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với Đại hội Đảng các cấp.

Điều 2. Mức chi chế độ công tác phí

1. Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác

Đối với trường hợp cán bộ, công chức không có tiêu chuẩn bố trí xe ô tô đi công tác nhưng nếu tự túc phương tiện đi công tác đến nơi cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác.

2. Mức chi phụ cấp lưu trú:

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo.

Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được thanh toán chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

b) Đi công tác các vùng còn lại:

Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp đi công tác trong tỉnh: Đi công tác đến thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, các vùng có hệ số phụ cấp khu vực trên 0,5 và cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên: 150.000 đồng/người/ngày; đi công tác đến các vùng còn lại và cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Mức chi tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Mức chi theo hình thức khoán:

Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: 450.000 đồng/ngày/người; đi công tác tại

huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh: 350.000 đồng/ngày/người; đi công tác tại các vùng còn lại: 300.000 đồng/ngày/người.

b) Mức chi theo hoá đơn thực tế:

Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/phòng; các đối tượng còn lại: 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

Đi công tác tại các vùng còn lại: Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng; các đối tượng còn lại: 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

c) Giao UBND tỉnh quy định cụ thể chế độ thuê phòng nghỉ đảm bảo không vượt quá mức quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC đối với các trường hợp:

Người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng nhưng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới; đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 01 người/phòng.

4. Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng:

Cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác): Tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoản tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe với mức 500.000 đồng/người/tháng.

Điều 3. Mức chi chế độ hội nghị

1. Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/buổi/người.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không có trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp theo mức khoản như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người;

b) Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người.

3. Giao UBND tỉnh quy định cụ thể mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, người trình bày tham luận; chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên; chi hỗ trợ tiền phòng nghỉ và phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không

hưởng lương đảm bảo không vượt quá mức quy định tại các văn bản được nêu ở Thông tư 40/2017/TT-BTC.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa. Tùy theo tình hình thực tế, trong phạm vi dự toán ngân sách phân bổ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức chi phù hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ nhưng tối đa không vượt mức quy định tại Nghị quyết này và quyết định của UBND tỉnh (đối với nội dung được giao quy định cụ thể).

2. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017. Nghị quyết số 190/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa VII về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH(Phiên).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang